

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG VÀ NÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG**



**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 2 ĐOẠN
TUYẾN TÂN VŨ – HƯNG ĐẠO – ĐƯỜNG BÙI VIỆN**

HẢI PHÒNG, NĂM 2025

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG VÀ NÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG



BÁO CÁO TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 2 ĐOẠN
TUYẾN TÂN VŨ – HƯNG ĐẠO – ĐƯỜNG BÙI VIỆN



ĐƠN VỊ TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Sỹ Ngọc

HẢI PHÒNG, NĂM 2025

MỤC LỤC

1. Xuất xứ của dự án.....	2
2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.....	5
3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với các dự án, quy hoạch phát triển khác đã được phê duyệt có liên quan.....	5
5. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM-----	10
a. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn về môi trường.....	10
b. Các văn bản pháp lý, quyết định liên quan về Dự án.....	14
c. Nguồn tài liệu, dữ liệu do Chủ đầu tư tự tạo lập.....	16
6. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường-----	16
a. Chủ đầu tư.....	16
b. Thông tin về đơn vị lập báo cáo ĐTM:.....	17
7. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM-----	17
7.1. Thông tin về dự án.....	17
7.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường.....	22
7.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án.....	23
7.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	26
7.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường.....	37
7.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.....	39

1. Xuất xứ của dự án

Tình trạng ùn tắc giao thông ở thành phố Hải Phòng ngày càng phổ biến và nghiêm trọng hơn, nhất là trong giờ cao điểm. Trên các tuyến theo hướng Đông - Tây và các tuyến vành đai thiếu liên thông, đặc biệt các tuyến cửa ngõ vào thành phố tình trạng ùn tắc xảy ra thường xuyên và kéo dài, nhất là trên các tuyến đường Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Bình Khiêm, đường từ ngã ba Chùa Vẽ đến nút cuối tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường Cầu Đất, Lạch Tray, Đà Nẵng, Điện Biên Phủ, Tô Hiệu, Tôn Đức Thắng, Trần Nguyên Hãn,...

Để phân luồng xe container ra khỏi khu vực trung tâm thành phố, tránh ùn tắc giao thông, giảm nguy cơ mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường trong khu vực trung tâm thành phố; rút ngắn hành trình, giảm thời gian xe chạy từ khu vực cụm cảng Hải Phòng (cảng Hải Phòng, cảng Chùa Vẽ, cảng Đình Vũ, cảng Lạch Huyện...) theo Quốc lộ 5, Quốc lộ 10 và các tuyến đường tỉnh để vận chuyển hàng hóa, hành khách đi các tỉnh, thành phố; mang lại hiệu quả kinh tế cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế cảng biển, Ủy ban nhân dân thành phố đang triển khai đầu tư, xây dựng tuyến đường Vành đai 2, đoạn từ nút giao Tân Vũ đến đường Bùi Viện với quy mô 08 làn xe.

“Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện” đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-NĐND ngày 12/8/2021 với nội dung chính là xây dựng tuyến đường từ nút giao Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện có tổng chiều dài khoảng 11,0km. Phạm vi trên của dự án đã được Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 26/8/2022. Đến ngày 21/3/2023, UBND thành phố Hải Phòng điều chỉnh dự án tại quyết định số 709/QĐ-UBND với nội dung bổ sung thêm hạng mục xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng cho dự án với diện tích khu tái định cư khoảng 11,43ha, nâng tổng diện tích thực hiện dự án lên 106,53ha. Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại quyết định số 625/QĐ-BTNMT ngày 27/2/2025. Đến nay, dự án đang trong quá trình triển khai thi công xây dựng.

Sau khi tuyến đường Vành đai 2 đoạn Tân Vũ – Bùi Viện hoàn thành thì tuyến đường Nguyễn Trường Tộ (04 làn xe, Bn = 27,5m) sẽ là điểm nghẽn giao thông do có quy mô mặt cắt ngang chưa tương đồng với các tuyến đường còn lại, tiềm ẩn nguy cơ ách tắc và mất an toàn giao thông trên đoạn tuyến này.

Đồng thời đường Nguyễn Trường Tộ đang giao cùng mức với QL10, điều khiển giao thông bằng đèn tín hiệu. Hiện nay, thường xuyên xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông ở nút giao này. Khi tuyến đường vành đai 2 hoàn thành các luồng xe vận tải có tải trọng lớn sẽ chủ yếu lưu thông qua nút để di chuyển từ cảng Hải Phòng đi Quốc

lộ 5, Quốc lộ 10. Đồng thời khi các tuyến đường kết nối với quốc lộ 10 hoàn thành thì lưu lượng xe trên tuyến Quốc lộ 10 sẽ tăng cao nguy cơ ách tắc và mất an toàn giao thông tại nút giao là rất lớn.

Vì vậy, để tăng năng lực thông hành trên tuyến Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện; đảm bảo tính đồng bộ và thông suốt cho giao thông trong khu vực; giảm nguy cơ mất an toàn giao thông, việc bổ sung công trình xây dựng, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao QL10 đến nút giao đường Vành đai 2 là hết sức cần thiết.

Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 với nội dung bổ sung thêm hạng mục là xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao đường vành đai 2 có tổng chiều dài khoảng 10,4km, do đó diện tích dự án điều chỉnh từ 106,53 ha lên 176,78ha. Dự án đã được UBND thành phố Hải Phòng giao nhiệm vụ chủ đầu tư tại Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng (*nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng*).

Đây là dự án mở rộng mới, có tổng diện tích là 176,78 ha và có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 2 vụ > 5ha. Căn cứ theo mục 5 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ, dự án thuộc nhóm II theo tiêu chí của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 30 và Khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 dự án phải lập Báo cáo ĐTM trình UBND thành phố Hải Phòng thẩm định, phê duyệt.

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện.

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Nhóm dự án, loại, cấp quy mô công trình:

+ Nhóm dự án: Nhóm A:

+ Loại công trình: Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;

+ Cấp công trình: Cấp đặc biệt

+ **Quy mô công trình:** Diện tích sử dụng đất khoảng 176,78 ha gồm:

➤ Xây dựng tuyến đường từ nút giao Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi

Viện có tổng chiều dài khoảng 11,0 km, gồm các hạng mục chính:

- Xây dựng đoạn từ nút giao Tân Vũ – cầu Hải Thành và đoạn Hưng Đạo – đường Bùi Viện có chiều rộng nền 37m, mặt đường 08 làn xe ở giữa và dải phân cách giữa rộng 5m.

- Xây dựng đoạn từ ĐT.353 – Hưng Đạo có chiều rộng nền 68m, mặt đường 08 làn xe hai bên, dải phân cách giữa rộng 23m, hè đường 2 bên (2 x 7,5m).

- Xây dựng cầu Hải Thành vượt sông Lạch Tray có chiều dài cầu khoảng 1.133,6m, tải trọng thiết kế HL93, kích thước thông thuyền BxH = (50x9,5)m.

- Xây dựng cầu vượt nút giao đường Bùi Viện: chiều dài cầu khoảng 327,45m, mặt cắt ngang cầu rộng 25m gồm 8 nhịp dầm Supper-T bố trí theo sơ đồ (39,0 + 2x40 + 39,95)+(39,95+2x40+39,0)m. Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép, móng sử dụng cọc khoan nhồi. Tải trọng thiết kế HL93; tính không thông xe dưới cầu: đường Bùi Viện $H \geq 4,75m$; nhánh nối giữa hai đường gom $H \geq 3,5m$.

- Xây dựng 2 cầu nhánh với chiều dài mỗi cầu nhánh khoảng 156,2m (tính đến đuôi mố tại tim cầu), kết nối với các nhịp đã thi công hiện đang chờ tại nút giao Tân Vũ, chiều rộng cầu 8,25m, gồm 6 nhịp dầm bản liên tục bê tông cốt thép DƯ.L. Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép, móng sử dụng cọc khoan nhồi.

- Xây dựng các hạng mục khác trên tuyến: hè đường, các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, thoát nước mưa, chiếu sáng, cây xanh, hào kỹ thuật,... được đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy mô mặt cắt ngang từng đoạn tuyến.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật giao thông, thoát nước, cấp nước, vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh,... khu tái định cư với diện tích khoảng 11,43ha tại khu vực phường Hưng Đạo (không bao gồm xây dựng nhà ở).

- Đầu tư mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao đường Vành đai 2 có tổng chiều dài khoảng 10,4km, với các hạng mục chính:

- Mở rộng đoạn từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao vành đai 2 – Bùi Viện có Bnền = (31,0-50,5)m, mặt đường 6-8 làn xe.

- Xây dựng cầu vượt nút giao Quốc lộ 10, chiều dài cầu khoảng 135,2m, chiều rộng cầu Bc = 17,5m, quy mô 04 làn xe.

- Bổ sung lớp nhựa trên mặt đường Nguyễn Trường Tộ hiện trạng để đảm bảo mô-đun đàn hồi mặt đường sau điều chỉnh phù hợp với mô-đun đàn hồi của tuyến đường vành đai 2.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: hè đường, cây xanh, chiếu sáng, cống thoát nước mưa, cống thoát nước, hào kỹ thuật thuộc đoạn tuyến mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ.

+ Mục tiêu đầu tư:

Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng khung đô thị thành phố nói chung và các quận Hải An, Dương Kinh, Kiến An nói riêng. Tạo tiền đề để phát triển các khu đô thị

mới, góp phần xây dựng đô thị hiện đại nhằm khuyến khích thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kinh tế - xã hội địa bàn các quận có tuyến đường đi qua trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Phân luồng xe container ra khỏi khu vực trung tâm thành phố để tránh ùn tắc giao thông, giảm nguy cơ mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường trong khu vực trung tâm thành phố; rút ngắn hành trình, giảm thời gian xe chạy từ khu vực cụm cảng Hải Phòng (cảng Hải Phòng, cảng Chùa Vẽ, cảng Đình Vũ, cảng Lạch Huyện,...) theo Quốc lộ 5, Quốc lộ 10 và các tuyến đường tỉnh để vận chuyển hàng hóa, hành khách đi các tỉnh, thành phố; mang lại hiệu quả kinh tế cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế cảng biển của thành phố.

2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

- HĐND thành phố Hải Phòng là cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư dự án gồm:

+ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện.

+ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư là UBND thành phố Hải Phòng:

+ Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện;

+ Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện;

+ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 thành phố Hải Phòng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng).

3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với các dự án, quy hoạch phát triển khác đã được phê duyệt có liên quan

Việc đầu tư hoàn thành đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ -

Hưng Đạo - đường Bùi Viện phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia nói chung, các vùng, miền và địa phương nói riêng; phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải, cụ thể:

Về quy hoạch:

- Phù hợp Quy hoạch GTVT đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2030 được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XIV, kỳ họp thứ 11 phê duyệt tại Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014. Theo đó, định hướng quy hoạch giao thông đường chức năng và đường đô thị bao gồm việc xây dựng tuyến đường Vành đai 2.

- Phù hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06/7/2018.

- Phù hợp Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023. Theo đó, Dự án thuộc mục số 16, mục A. Giao thông, Phụ lục XVIII. Danh mục các chương trình, Dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030.

- Phù hợp Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023. Theo đó, Dự án thuộc mục số 3. Định hướng giao thông, phụ lục II thuộc hệ thống giao thông đối nội.

- Phù hợp với Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư phục vụ cho Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện và các Dự án khác trên địa bàn quận Dương Kinh được UBND quận Dương Kinh phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2023. Theo đó, trong phạm vi của Dự án này chỉ tiến hành xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư quận Dương Kinh với quy mô diện tích 114.332,8 m² tại toàn bộ lô đất I9.4 và một phần của lô đất I6.3 với quy mô dân số khoảng 1.318 người (427 hộ), đáp ứng đủ nhu cầu tái định cư cho Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện nằm trong diện tích quy hoạch: 251.340,36m², quy mô dân số dự kiến khoảng 2.716 người (679 hộ) được UBND quận Dương Kinh phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2023. Do phạm vi Dự án này chỉ tiến hành xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư quận Dương Kinh nằm trong phạm vi công trình hạ tầng kỹ thuật đã được UBND quận Dương Kinh phê duyệt nên việc thực hiện của Dự án phù hợp với Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

Sự phù hợp của hạng mục Khu tái định cư với chủ trương đầu tư đã được phê

duyet tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện: Ngày 16/9/2024, UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 3247/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện. Theo đó, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư của dự án, điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Theo quy định tại khoản 5 điều 43 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án. Do đó Dự án thuộc đối tượng điều chỉnh dự án theo khoản 2 điều 43 Luật Đầu tư công.

- Dự án nằm trong quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của quận Dương Kinh, quận Hải An, quận Kiến An, quận An Dương thành phố Hải Phòng được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 23 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Dương Kinh và tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 5 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Hải An; Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Kiến An và quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 23/2/2024 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực đô thị An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024. Việc xuất hiện của tuyến đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện đáp ứng nhu cầu vận tải khu vực cũng như tăng cường khả năng lưu thông, giao lưu, buôn bán giữa các vùng với nhau và đặc biệt phát triển kinh tế, du lịch của thành phố Hải Phòng từ đó hạn chế được tình trạng ùn tắc, mất giao thông trên các tuyến đường khu vực nội thị nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; góp phần giảm thiểu ùn tắc, đồng nghĩa với việc giảm phát thải khí nhà kính, ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường đồng thời nâng cao năng lực chủ động ứng phó với BĐKH.

- Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022:

- Các yêu cầu: Duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi

khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính. Đảm bảo sự phát triển bền vững đất nước, tận dụng các cơ hội phát triển theo hướng các bon thấp. Chủ động ứng phó với BĐKH, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Về môi trường sinh thái: Trong quá trình nghiên cứu, Chủ dự án đã phối hợp với tư vấn, chính quyền địa phương xem xét vị trí, hướng tuyến dự án tránh không ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực bảo tồn đa dạng sinh học và khu vực dự án không có loài động thực vật quý hiếm trong sách đỏ đã được công bố bị ảnh hưởng. Mặt khác, kinh tế xã hội phát triển cũng là một yếu tố giúp nâng cao mức sống người dân, qua đó làm giảm sự can thiệp trực tiếp vào các hệ sinh thái quan trọng.

- Về thích ứng Biến đổi khí hậu và thiên tai: Dự án cũng đã xem xét kịch bản BĐKH 2020 do Bộ TNMT công bố, điều tra nghiên cứu các vấn đề về thiên tai, bão lũ để xem xét các khẩu độ thoát nước phù hợp, biện pháp gia cố chống trượt lở đất và xói lở khu vực có công trình cầu.

- Về giảm phát thải khí nhà kính: Dự án thực hiện góp phần giảm thiểu ách tắc giao thông, cải thiện lưu lượng và tốc độ dòng xe, đặc biệt việc xem xét hướng tuyến thẳng và ngắn nhất có thể góp phần giảm phát thải khí thải từ dòng xe so với phương án không thực hiện dự án, qua đó góp phần giảm xu hướng tăng lượng phát thải khí nhà kính.

Với các phân tích như trên, có thể thấy dự án phù hợp với các mục tiêu bảo vệ môi trường quốc gia và địa phương.

Dự án tuân thủ các quy định Pháp luật về Bảo vệ môi trường tại Luật Bảo vệ Môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNTM ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

Dự án tuân thủ các quy định Pháp luật về Đê điều và Quyết định số 19/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về đảm bảo thoát lũ, thông thoáng dòng chảy an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê. Chi tiết như sau:

(1) Theo quy định tại Luật Đê điều: Tại Điều 25 Luật Đê điều 2006 quy định cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều, đối với công trình cầu Hải Thành xây dựng trong bãi sông, lòng sông nên cần phải có thủ tục cấp phép khi thi công do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp phép. Chủ đầu tư dự án cam kết có trách nhiệm thực hiện các thủ tục cấp phép theo quy định tại Điều 25 Luật Đê điều ở bước sau của dự án trước khi triển khai thi công công trình.

(2) Theo quy định tại Luật Phòng chống thiên tai quy định tại “Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều” tại Luật Phòng chống thiên tai 2020 (số

60/2020/QH14) thì: “Việc xây dựng cầu qua sông có đê phải bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy; an toàn đê điều theo quy định của Luật này và bảo đảm giao thông đường thủy theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; vật liệu phế thải và lán trại trong quá trình thi công không được ảnh hưởng đến dòng chảy và phải được thanh thải sau khi công trình hoàn thành. Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê.

- Về đảm bảo thoát lũ: Kết quả tính toán khẩu độ thoát nước cần thiết cầu Hải Thành là $bct \geq 239m$. Phương án thiết kế cầu đã vượt qua 2 đê với chiều dài cầu khoảng 1.1 lũ là L đã xây dựng cầu vượt qua 2 đê với chiều dài cầu khoảng 1.133,6m, khoảng cách giữa 2 đê hiện tại khoảng 436m. Như vậy đã đảm bảo yêu cầu. Chủ đầu tư cam kết tính toán, thiết kế cầu đủ khẩu độ thoát lũ và bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều theo quy định.

- Về đảm bảo thông thuyền: Cầu Hải Thành được thiết kế với khẩu độ thông thuyền $B \times H \geq (50 \times 9,5)m$ là thỏa mãn Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021. Kích thước này cũng đã được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thống nhất tại Văn bản số 1569/CĐTNĐ-QLKCHT ngày 21/7/2022. Như vậy đã đảm bảo thông thuyền đáp ứng giao thông đường thủy theo yêu cầu.

(3) Theo Quyết định số 19/2021/QĐ-TTg ngày 26/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê. Theo đó, tại Điều 4 “Quy định cụ thể đối với việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo cầu qua sông có đê để đảm bảo thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều”

- Dự án thuộc dự án nhóm A, thực hiện thiết kế 3 bước. Bước Thiết kế cơ sở đã thực hiện tính toán các yếu tố kỹ thuật đã đảm bảo về yêu cầu khẩu độ thoát lũ, mực nước lũ tính toán; đối với yêu cầu về đảm bảo giao thông trên đê hiện trạng, cầu vượt qua 2 đê với chiều cao tĩnh không đứng đảm bảo tối thiểu 4,75m do đó đảm bảo yêu cầu đi lại phục vụ trong các tình huống ứng phó khẩn cấp với thiên tai. Việc đánh giá lưu tốc dòng chảy, xói lở thượng và hạ lưu được chủ đầu tư thực hiện thông qua việc tính toán thủy lực, thủy văn tại khu vực cầu Hải Thành.

- Cầu Hải Thành đã được tính toán đảm bảo thoát lũ với tần suất $P = 1\%$ (Khẩu độ thoát nước phù hợp với Quy hoạch thoát lũ và lớn hơn lũ lịch sử đã từng xảy ra tại vị trí cầu theo Nghị quyết số 21/2015/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết các

tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030), với khẩu độ thoát nước là khoảng cách giữa 02 đê: $L = 436\text{m}$ (cầu được thiết kế vượt qua hai đê - lớn hơn chiều rộng hành lang thoát lũ $B = 330\text{m}$). Vì vậy, sau khi cầu hình thành không ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ theo Quyết định số 19/2021/QĐ-TTg ngày 26/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Chủ đầu tư cam kết tính toán, thiết kế cầu đủ khẩu độ thoát lũ và bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy theo quy định tại điều 4, Quyết định số 19/2021/QĐ-TTg ngày 26/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

(4) Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã có tính toán kinh phí các công trình hoàn trả các tuyến kênh thủy lợi như kênh Mỹ Khê, kênh Tiểu Trà,... Trong quá trình thực hiện Chủ đầu tư đã làm việc cụ thể với Chi cục thủy lợi và Phòng chống thiên tai - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng xác định chính xác khẩu độ các công trình để đảm bảo tưới tiêu cho khu vực và phù hợp với quy hoạch lâu dài các công trình thủy lợi.

Sự phù hợp của địa điểm thực hiện Dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan: Các quy hoạch nằm trong khu vực dự án đã được nghiên cứu để đề xuất các hạng mục của Dự án không gây xung đột và phù hợp với các quy hoạch đã được duyệt này. Do vậy, Dự án phù hợp với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được phê duyệt.

5. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

a. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn về môi trường

Căn cứ liên quan đến lập báo cáo ĐTM:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Luật liên quan đến môi trường và sử dụng đất:

- Luật Phòng cháy và chữa cháy được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2001;

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH10 được Quốc hội nước

CHXHCNVN khóa X kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 15/6/2004;

- Luật Đề điều được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29/11/2006;

- Luật Giao thông đường bộ được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13/11/2008;

- Luật Đa dạng Sinh học được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13/11/2008;

- Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19/06/2013;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22/11/2013;

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Luật Thủy lợi được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19/06/2017;

- Luật Quy hoạch được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 24/11/2017;

- Luật Trồng trọt được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự.

- Luật Tài nguyên Nước được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023.

- Luật Đất đai được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ năm thông qua ngày 18/01/2024.

Nghị định liên quan đến môi trường và sử dụng đất:

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi

tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về Giống cây trồng và vật nuôi;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 01/2024/NĐ-CP ngày 01/01/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số [11/2010/NĐ-CP](#) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định số [100/2013/NĐ-CP](#) ngày 03 tháng 9 năm 2013, nghị định số [64/2016/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 7 năm 2016, nghị định số [125/2018/NĐ-CP](#) ngày 19 tháng 9 năm 2018, nghị định số [117/2021/NĐ-CP](#) ngày 22 tháng 12 năm 2021, nghị định số [70/2022/NĐ-CP](#) ngày 27 tháng 9 năm 2022);

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định Quy định về giá đất;

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về đảm bảo thoát lũ, thông thoáng dòng chảy an toàn đề điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đề.

Thông tư liên quan đến môi trường và sử dụng đất:

- Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng Quy định về

phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

- Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ nội tỉnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 14:2008/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 26:2010/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;
- QCVN 40:2011/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

- [QCVN 24:2016/BYT](#), Tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

- QCVN 43:2017/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng trầm tích;

- QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 03:2023/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất;

- QCVN 05:2023/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 08:2023/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 09:2023/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - yêu cầu thiết kế;
- TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 6705:2009 - Chất thải rắn thông thường;
- TCVN 6706:2009 - Phân loại chất thải nguy hại;
- TCVN 6707:2009 - Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa;
- TCCS 46:2022/TCĐBVN - Yêu cầu và chỉ dẫn quy trình đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2023;
- Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế TCVN 13615 : 2022;
- Các tiêu chuẩn môi trường của các Tổ chức Quốc tế và khu vực xây dựng như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)...

Các hướng dẫn về môi trường:

- Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động môi trường chung các Dự án phát triển - Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, Cục Môi trường - Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, 1/2000;
- Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật tính toán dự báo ô nhiễm không khí trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Bộ Giao thông vận tải, 2017.

b. Các văn bản pháp lý, quyết định liên quan về Dự án

- Luật Đầu tư công được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/06/2019;
- Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt Quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố;

- Nghị quyết số 21/2015/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND thành phố Hải Phòng phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đề trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND thành phố Hải Phòng về nhiệm vụ, giải pháp phát triển hệ thống hạ tầng giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố đến năm 2030, định hướng sau 2030;

- Văn bản số 2013/UBND-GT ngày 31/3/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc hoàn thiện nút giao Tân Vũ thuộc Dự án đường ô tô Tân Vũ - Lạch Huyện;

- Văn bản số 3631/BGTVT-KHĐT ngày 26/4/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc đầu tư xây dựng hoàn thiện nút giao Tân Vũ, thành phố Hải Phòng;

- Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

- Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư các Dự án: Đầu tư xây dựng cầu Lại Xuân và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352; đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện; đầu tư xây dựng cầu vượt sông Hóa và đoạn tuyến qua Hải Phòng của tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn; đầu tư xây dựng nút giao khác mức tại ngã tư đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5.

- Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

- Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện.

- Văn bản số 4620/SGTVT-QLCL ngày 10/9/2024 của Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng về việc báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

- Văn bản số 4304/SGTVT-QLCL ngày 30/11/2022 của Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng về việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

- Văn bản số 264/TL-QLCT ngày 06/07/2022 của Chi cục thủy lợi và Phòng chống thiên tai thành phố Hải Phòng về phương án thiết kế các công trình tại vị trí giao cắt với kênh, mương hiện trạng thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện.

- Văn bản số 1569/CĐTNĐ-QLKCHT ngày 21/07/2022 của Cục đường thủy nội địa Việt Nam về việc tỉnh không thông thuyền cầu Hải Thành.

- Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND quận Dương Kinh về Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư phục vụ cho Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện và các Dự án khác trên địa bàn quận Dương Kinh.

- Biên bản xác định vị trí đầu nối hệ thống thoát nước Khu tái định cư quận Dương Kinh thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện ngày 12/12/2024 giữa Chủ Dự án, UBND phường Hưng Đạo và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ (đơn vị quản lý và khai thác kênh).

c. Nguồn tài liệu, dữ liệu do Chủ đầu tư tự tạo lập

Các tài liệu, dữ liệu do Chủ đầu tư tự tạo lập bao gồm:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

Các số liệu khảo sát môi trường khu vực Dự án do Đơn vị tư vấn thực hiện theo hợp đồng với Chủ đầu tư bao gồm các hạng mục về chất lượng môi trường không khí, ồn, rung, nước mặt, trầm tích, nước dưới đất và đất. Vị trí, thông số, tần suất, thời gian đo đạc, khảo sát và lấy mẫu các hạng mục này được trình bày chi tiết tại chương 2, phần Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường, trong đó sơ đồ vị trí khảo sát chất lượng môi trường được trình bày kèm trong hình 2.1. Tham vấn cộng đồng cũng được thực hiện đối với UBND cấp quận trong phạm vi Dự án, chi tiết được trình bày tại chương 6.

Các số liệu khảo sát chi tiết được thực hiện bằng các phương pháp quy định bởi các chuyên gia có kinh nghiệm. Do thời gian khảo sát, đo đạc phục vụ báo cáo ĐTM của Dự án trùng với thời gian xem xét đầu tư và quyết định đầu tư của Dự án nên các số liệu cập nhật là có cơ sở.

6. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng làm chủ đầu tư thực hiện phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Hải Việt.

a. Chủ đầu tư

-Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (khu vực huyện Kiến Thụy).

-Tên chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng.

-Địa chỉ trụ sở chính: 14 Minh Khai, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

-Đại diện: (Ông) Đào Sỹ Ngọc - Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Điện thoại: 0225.3747866

b. Thông tin về đơn vị lập báo cáo ĐTM:

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Hải Việt.

Đại diện: Khổng Minh Thanh - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Nhà số 02, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, phường An Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

7. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

7.1. Thông tin về dự án

7.1.1. Thông tin chung

****Tên dự án***

Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện.

**** Tên chủ dự án***

- Tên chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng.

- Địa chỉ trụ sở chính: 14 Minh Khai, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

- Đại diện: (Ông) Đào Sỹ Ngọc - Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Điện thoại: 0225.3747866

7.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

**** Phạm vi dự án***

Phạm vi dự án đã phê duyệt:

- Đầu tư xây dựng tuyến đường có chiều dài khoảng 11,0 km theo quy mô đường phố chính đô thị chủ yếu, vận tốc thiết kế $V_{tk} = 80$ km/h theo QCVN 07:2023/BXD-

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên tổng diện tích khoảng 106,53 ha.

+ Điểm đầu tuyến kết nối với nút giao Tân Vũ đã được Bộ Giao thông vận tải đầu tư, thuộc địa bàn phường Hải An, thành phố Hải Phòng. Vị trí tọa độ: X (m) = 2301457.20; Y (m) = 604743.34 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3⁰).

+ Điểm cuối tuyến giao đường Bùi Viện (Km10+998,94 đường Bùi Viện) ở đầu cầu Bùi Viện, thuộc địa bàn phường Kiến An, thành phố Hải Phòng. Vị trí tọa độ: X (m) = 2303807.06; Y (m) = 594997.50 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3⁰).

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện với quy mô diện tích 114.332,8 m².

Phạm vi hạng mục bổ sung:

- Đầu tư mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao đường Vành đai 2 có tổng chiều dài khoảng 10,4km:

+ Điểm đầu Km0 tại nút giao giữa đường Nguyễn Trường Tộ với QL10 và đường vào khu công nghiệp An Dương, thuộc địa phận phường An Dương, TP. Hải Phòng (phường Bắc Sơn, quận An Dương cũ);

+ Điểm cuối Km10+414 tại ranh thiết kế nút giao giữa đường Bùi Viện với đường Vành đai 2, thuộc địa phận phường Kiến An, TP. Hải Phòng (phường Đồng Hòa, quận Kiến An cũ);

Tuyến qua địa phận phường An Dương, phường An Hải và phường Kiến An, TP. Hải Phòng.

Phạm vi báo cáo ĐTM này không bao gồm: Hoạt động khai thác vật liệu san lấp và vật liệu xây dựng phục vụ Dự án.

*** Quy mô, công suất**

Loại dự án: Nhóm A, Công trình giao thông.

Quy mô Đường phố chính đô thị chủ yếu (theo QCVN 07:2023/BXD) với vận tốc thiết kế tuyến chính: V= 80km/h và vận tốc thiết kế các nhánh trong nút giao: V = 40km/h;

7.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

7.1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a) Các hạng mục công trình chính:

Các hạng mục đã được phê duyệt và đang đầu tư xây dựng:

- **Xây dựng tuyến đường với chiều dài 11,0 km** theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị chủ yếu, vận tốc thiết kế $V_{tk} = 80$ km/h với điểm đầu tuyến kết nối với nút giao Tân Vũ đã được Bộ Giao thông vận tải đầu tư, thuộc địa bàn phường Trảng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; điểm cuối tuyến giao đường Bùi Viện (Km10+998,94 đường Bùi Viện) ở đầu cầu Bùi Viện, thuộc địa bàn phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Bao gồm:

+ Đoạn 1 (từ nút giao Tân Vũ - cầu Hải Thành) và Đoạn 3 (từ nút giao Hưng Đạo - nút giao đường Bùi Viện): Quy mô 08 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền} = 37,0$ m (bề rộng làn xe cơ giới $B = 15,0$ m, bề rộng làn xe hỗn hợp $B = 14,0$ m, dải phân cách giữa bề rộng $B = 5,0$ m, dải an toàn sát dải phân cách giữa bề rộng $B = 1,0$ m và lề đất bề rộng $B = 2,0$ m).

+ Đoạn 2 (từ nút giao ĐT.353 - nút giao Hưng Đạo, đoạn đi trùng đường tỉnh 355): Quy mô 08 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền} = 68,0$ m (bề rộng làn xe cơ giới $B = 15,0$ m, bề rộng làn xe hỗn hợp $B = 14,0$ m, dải phân cách giữa bề rộng $B = 23,0$ m, dải an toàn sát dải phân cách giữa bề rộng $B = 1,0$ m và hè đường bề rộng $B = 15,0$ m).

- Xây dựng mới cầu Hải Thành tại Km3+800 chiều dài 1.135,4 m, gồm: Cầu nhịp chính bằng bê tông cốt thép dạng dầm cáp hỗn hợp Extradose 3 mặt phẳng dây có chiều dài 270 m, bề rộng cầu $B = 36,0$ m và cầu nhịp dẫn bằng bê tông cốt thép dự ứng lực chiều dài 858,3 m, bề rộng cầu $B = 32,0$ m.

- Xây dựng mới 02 cầu vượt bộ hành tại Km4+750 và Km6+250, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh kết cấu thép với chiều dài mỗi cầu 60,8 m, chiều rộng mỗi cầu $B = 3,4$ m.

- Xây dựng 03 nút giao khác mức gồm: (1) Nút giao Tân Vũ tại Km0+000; (2) Nút giao Bùi Viện tại Km10+644; (3) Nút giao với ĐT.353 tại Km4+375 kết nối tuyến chính với các tuyến giao thông trong khu vực.

- Xây dựng 05 nút giao bằng trên tuyến dạng điều khiển bằng đèn tín hiệu và đảo giọt nước để kết nối với các tuyến giao thông trong khu vực, gồm:

(1) Nút giao với Khu công nghiệp Nam Trảng Cát tại Km0+873,48,

(2) Nút giao với đường bao Đông Nam quận Hải An và đường phía Nam sân bay Cát Bi tại Km3+535.

(3) Nút giao nhánh rẽ phải từ cầu Hải Thành xuống đường tỉnh 353 tại Km0+860 (lý trình tuyến nhánh).

(4) Nút giao với đường tỉnh 355 Hưng Đạo tại Km6+920,21.

(5) Nút giao với khu quy hoạch đô thị Him Lam River City tại Km9+410,14.

- Đầu tư xây dựng mới 31 cống thoát nước ngang trên tuyến, gồm:
 - + 20 cống hộp trên tuyến kích thước mỗi cống $B \times H = [1,25 \times 1,0 \div 2 \times (4,0 \times 4,0)]$ m.
 - + 11 cống tròn đường kính $D = 1,0 \div 1,5$ m.
- Đầu tư xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc hai bên tuyến gồm: 1.320 m rãnh hộp $B = 0,4$ m; 1.200 m rãnh hộp $B = 0,6$ m; 4.450 m cống tròn D800; 1.275 m cống tròn D1000; 1.080 m cống tròn D1200; 1.040 m cống tròn D1500; 1.050 m cống tròn D2000.
- Cải 25 đoạn mương tưới tiêu dọc tuyến với tổng chiều dài khoảng 6.223,54 m, bao gồm: Km0+580 - Km0+750; Km0+780 - Km1+460; Km2+960 - Km3+440; Km7+011 - Km7+125; Km7+150 - Km7+350; Km8+190 - Km8+547; Km8+990 - Km9+100; Km9+700 - Km9+995; Km10+003 - Km10+133; Km10+400 - Km10+530 (phía trái tuyến); Km1+170 - Km1+500; Km2+830 - Km3+450; Km6+692 - Km7+056; Km6+697 - Km6+895; Km7+835 - Km8+140; Km8+690 - Km8+785; Km9+500 - Km9+700; Km9+900 - Km10+030; Km10+037 - Km10+164 (phía phải tuyến); Km0+147,50 - Km0+334,62 (trái nhánh BV4); Km0+331 - Km0+751 (trái nhánh BV1); Km10+958 (TC) - Km0+420 (Nhánh BV1); đoạn qua Nhánh C, E+G, nút giao Tân Vũ.
- Lắp đặt hệ thống cấp điện, chiếu sáng, đường ống kỹ thuật, đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến.
- Xây dựng gia cố kè hai bên bờ sông Lạch Tray tại Km3+844,817 chiều dài 300 m bằng đá kích thước $(6 \times 2 \times 0,3)$ m gồm: Kè phía hạ lưu sông có chiều dài 200 m, chiều rộng 6,0 m và kè phía thượng lưu sông có chiều dài 100 m, chiều rộng 6,0 m.
- **Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư** phục vụ Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện trên diện tích khoảng 114.332,8 m², bao gồm:
 - + San nền toàn bộ diện tích 114.332,8 m² từ cao độ hiện trạng tới cao độ $\geq 2,46$ m (hệ cao độ lục địa).
 - + Bố trí 427 lô đất ở liền kề ký hiệu từ LCK, LCK2 ÷ LCK5 và LKP, LKP5 ÷ LKP8 với tổng diện tích khoảng 29.994,71 m², mật độ xây dựng tối đa 90 - 100 %, chiều cao tối đa 05 tầng.
 - + Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm trường mầm non và trường tiểu học trên tổng diện tích khoảng 13.311,32 m², chiều cao tối đa 04 tầng.
 - + Xây dựng hệ thống cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh chuyên dụng trên tổng diện tích khoảng 2.700,79 m² tại 04 ô đất ký hiệu CXĐVO-1, CX-1, CX-2, CXCL.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ, bao gồm tuyến đường I9.4-D1 - I9.4-D5 với tổng chiều dài 1.115,7 m, bề rộng nền đường B = 15,0 - 17,5 m; tuyến đường I6.3-D1 - I6.3-D13 với tổng chiều dài 1.609,2 m, bề rộng nền đường B = 12,0 - 18,0 m.

+ Xây dựng 01 bãi đỗ xe tại ô đất ký hiệu P trên tổng diện tích 684,99 m².

+ Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện trong phạm vi khu tái định cư; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; 01 công trình xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày (24 giờ) tại ô đất ký hiệu I.9.4 diện tích 731,52 m².

Đầu tư mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao đường Vành đai 2 có tổng chiều dài khoảng 10,4km, với các hạng mục chính:

Hạng mục đầu tư mới:

+ Mở rộng đoạn từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao vành đai 2 – Bùi Viện có Bnền = (31,0-50,5)m, mặt đường 6-8 làn xe.

+ Xây dựng cầu vượt nút giao Quốc lộ 10, chiều dài cầu khoảng 135,2m, chiều rộng cầu Bc = 17,5m, quy mô 04 làn xe.

+ Bổ sung lớp nhựa trên mặt đường Nguyễn Trường Tộ hiện trạng để đảm bảo mô-đun đàn hồi mặt đường sau điều chỉnh phù hợp với mô-đun đàn hồi của tuyến đường vành đai 2.

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: hè đường, cây xanh, chiếu sáng, cống thoát nước mưa, cống thoát nước, hào kỹ thuật thuộc đoạn tuyến mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Lắp đặt hệ thống cọc tiêu và biển báo, hộ lan tôn sóng, hàng rào bảo vệ trên tuyến với kích thước, cấu tạo đảm bảo tuân thủ QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- Lắp đặt hệ thống an toàn giao thông và chiếu sáng trên tuyến.

7.1.3.2. Các hoạt động của Dự án

a. Các hoạt động của Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

- Dọn dẹp, chuẩn bị mặt bằng thi công.

- Sinh hoạt của công nhân thi công.

- Bố trí 10 công trường thi công trong ranh giới giải phóng mặt bằng của Dự án (08 công trường thi công của giai đoạn đã được duyệt và 02 công trường mới cho đoạn

mở rộng) (mỗi công trường bao gồm: 01 khu lán trại, bãi tập kết nguyên vật liệu, bãi đúc cầu kiện và chứa cầu kiện, bãi chứa tạm chất thải xây dựng, cầu rửa xe).

- Bố trí 05 trạm trộn bê tông xi măng công suất 60 m³/h tại Km+000; Km3+500; Km4+000; Km10+644; khu tái định cư quận Dương Kinh.

- Đào đắp nền đường; thi công các hạng mục công trình.

- Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; vận chuyển, đổ thải đất, đá đào không thích hợp (không phải là vật liệu xây dựng thông thường) tại 04 bãi chứa đất, đá thải bao gồm: 01 bãi thải diện tích 10.000 m², sức chứa khoảng 40.000 m³ tại khu đầm ao xã Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng theo thỏa thuận tại biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Chủ dự án và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng; 03 bãi thải tại phường Tân Thành, quận Dương Kinh, Hải Phòng gồm bãi thải diện tích 16.000 m², sức chứa khoảng 32.000 m³, bãi thải diện tích 70.000 m², sức chứa khoảng 175.000 m³, bãi thải diện tích 90.000 m², sức chứa khoảng 270.000 m³ theo thỏa thuận tại biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa Chủ dự án và Ủy ban nhân dân phường Tân Thành.

- Thanh thải dòng chảy tại vị trí thi công cầu vượt sông; dọn dẹp mặt bằng thi công; dọn dẹp khu vực đổ đất đá thải, phế thải sau kết thúc thi công.

b. Các hoạt động của Dự án trong giai đoạn vận hành

- Sinh hoạt của người dân tại khu tái định cư của Dự án.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong phạm vi Dự án và thực hiện nạo vét hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi Dự án.

- Thu gom, phân loại tại nguồn các loại chất thải (chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại) phát sinh từ hoạt động của các công trình trong phạm vi Dự án, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Xả nước thải sau xử lý ra môi trường.

- Vận hành, bảo trì, sửa chữa nhỏ.

7.1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng khoảng 45,45 ha (42,48 ha đã đền bù theo dự án đã được duyệt và 2,97 ha đoạn mở rộng) đất trồng lúa nước 2 vụ là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

7.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động chiếm dụng đất, phá dỡ, phát quang, dọn dẹp mặt bằng, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình.
- Hoạt động lắp đặt công trường, thi công các hạng mục, vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất đá thải, phế thải.
- Hoạt động trạm trộn bê tông xi măng.
- Hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường, lán trại thi công dọc tuyến và thu dọn, san gạt mặt bằng bãi thải.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong phạm vi khu tái định cư.
- Hoạt động xả nước thải sau xử lý ra kênh nội đồng của địa phương (khu Đồng Lệt, Phúc Lộc 2, phường Hưng Đạo).
- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu tái định cư, phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến.
- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến.

7.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

7.3.1. Nước thải, khí thải

7.3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công khoảng 5,0 m³/ngày đêm/công trường thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng coliforms.
- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển khoảng 2,0 m³/ngày đêm/công trường thi công và từ hoạt động của trạm trộn bê tông khoảng 7,2 m³/ngày đêm/trạm trộn. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng, đất, cát.

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của sinh hoạt của dân cư trong khu tái định cư quận Dương Kinh khoảng 267,4 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng

gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng coliforms.

7.3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất đá thải, phế thải, thi công xây dựng, khoan cọc nhồi, đào đắp, san nền, hoạt động của các trạm trộn bê tông xi măng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO_x, NO_x, SO₂.

b) Giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến đường, ra vào khu tái định cư, hoạt động bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa trên tuyến đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Mùi hôi phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, vị trí thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, CH₄, Metyl mercaptan.

7.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

7.3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công khoảng 65 kg/ngày/công trường thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì đựng thức ăn, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng với tổng khối lượng khoảng 1.421 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Cành, lá, rễ cây.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, công trình vật kiến trúc phát sinh với tổng khối lượng khoảng 16.883 m³ và khoảng 1148,9 tấn bùn bở phốt. Thành phần chủ yếu là gạch vỡ, bê tông thải, gỗ, sắt thép vụn, bùn thải.

- Đất, đá đào không thích hợp (không phải là vật liệu xây dựng thông thường) từ hoạt động đào, đắp đắp nền đường, móng trụ cầu với tổng khối lượng khoảng 427.776,8 m³. Thành phần chủ yếu là đất đá thải, phế thải, đất lẫn bentonite.

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa chảy tràn và hoạt động nạo vét bề mặt nước thải xây dựng. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bảo trì, vận hành các công trình trên tuyến đường khoảng $02 \div 03 \text{ m}^3/\text{đợt}$ bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm: Bê tông, nhựa đường bám dính, cọc tiêu hỏng.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 5,46 tấn/ngày tại khu tái định cư quận Dương Kinh. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa chảy tràn với thành phần chủ yếu là đất, cát, lá cây,...

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án phát sinh bùn thải với tổng khối lượng khoảng 0,9 tấn/năm.

7.3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, văn phòng tại công trường thi công khoảng 25 kg/tháng/công trường. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau, găng tay dính dầu, que hàn thải, giẻ lau dính sơn, dụng cụ quét sơn, thùng đựng sơn, bóng đèn huỳnh quang thải.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến đường khoảng 03 kg/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm: Bóng đèn hỏng, hộp vỏ đựng sơn, giẻ lau dính dầu, cặn sơn.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động các hộ gia đình trong khu tái định cư quận Dương Kinh khoảng 44,7 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại rác quy, pin thải, bản mạch điện tử, bóng điện huỳnh quang...

7.3.3. Tiếng ồn và độ rung

7.3.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động phá dỡ, san ủi mặt bằng; hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, đất đá thải và hoạt động của thiết bị, máy móc thi công.

7.3.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn vận hành

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến và ra vào khu vực tái định cư.

7.3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn xây dựng

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn và có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng khoảng 176,78 ha đất, bao gồm khoảng 45,45 ha đất chuyên trồng lúa nước 02 vụ, khoảng 2,03 ha đất trồng cây lâu năm, khoảng 1,76 ha đất trồng cây hàng năm, khoảng 3,168 ha đất tổ chức và khoảng 7,4 ha đất ở của 796 hộ dân (trong đó có khoảng 666 hộ dân thuộc đối tượng phải di dời tái định cư) của quận Hải An, quận Dương Kinh, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng. Hoạt động chiếm dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án làm suy giảm diện tích trồng lúa, gây ảnh hưởng tới sinh hoạt, tâm lý, đời sống, thu nhập, việc làm, hoạt động kinh doanh, sản xuất và sinh kế của các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công phát sinh khoảng 0,00114 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, đất, cát.

- Đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc bề mặt diện tích đất trồng lúa với tổng khối lượng khoảng 80.305 m³.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải ảnh hưởng tới đến hệ sinh thái trên cạn và dưới nước, ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông trên tuyến đường hiện hữu và các công trình công cộng (cột điện) trên tuyến đường dân sinh hiện hữu.

- Hoạt động thi công, xây dựng có nguy cơ gây xảy ra sự cố cháy nổ, sạt lở, úng ngập, cản trở tiêu thoát lũ, lún nứt công trình nhà cửa, hạ tầng khu vực Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh lớn nhất khoảng 0,0115 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, đất, cát.

- Việc hình thành tuyến đường và cầu có khả năng ảnh hưởng đến tiêu thoát nước và nguy cơ xảy ra sự cố úng ngập.

- Hoạt động khu tái định cư quận Dương Kinh có nguy cơ gây ra sự cố cháy nổ do chập điện tại khu tái định cư và sự cố liên quan hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do mất điện hoặc hư hỏng các thiết bị.

7.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

7.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

7.4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp đặt tại mỗi công trường thi công 05 nhà vệ sinh di động dung tích mỗi nhà vệ sinh khoảng 05 m³ để thu gom nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh lưu động → Đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi gần đầy bể.

- Lắp đặt tại mỗi công trường thi công hệ thống cống, cầu rửa xe kích thước L x B x H khoảng (3 x 2 x 0,5) m và 01 bể lắng 03 ngăn dung tích 6 m³, kích thước mỗi ngăn L x B x H khoảng (1 x 2 x 1) m để thu gom, tách dầu và lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước sau khi lắng cặn và tách dầu được tái sử dụng toàn bộ để vệ sinh bánh xe, làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển, không xả thải ra môi trường; váng dầu thải được thu gom, lưu giữ cùng chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe → Bể lắng 03 ngăn {ngăn thứ 1 để tách dầu → Ngăn thứ 2 để lắng cặn → Ngăn thứ 3 để lưu chứa nước sau xử lý} → Tái sử dụng toàn bộ vào hoạt động vệ sinh bánh xe, làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển.

- Tại các công trường Km+000; Km3+500; Km4+000; Km10+644; khu tái định cư quận Dương Kinh: Xây dựng 01 bể lắng cấu tạo 02 ngăn, dung tích khoảng 12 m³/bể để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng toàn bộ cho hoạt động sản xuất bê tông.

Quy trình xử lý: Nước rửa cối trộn → Bể lắng 02 ngăn → Lắng cặn → Tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông.

b) Giai đoạn vận hành

- Yêu cầu mỗi hộ dân đầu tư xây dựng 01 bể tự hoại 02 ngăn với dung tích khoảng 05 m³ để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại mỗi hộ dân được thu gom qua hệ thống đường ống D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt tại mỗi hộ dân → Bể tự hoại 02 ngăn → Hệ thống đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 800 m³/ngày đêm.

- Đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm nằm phía Nam khu tái định cư quận Dương Kinh để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu tái định cư bằng công nghệ sinh học AO-MBBR. Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Dự án đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K = 1,0 trước khi xả ra kênh nội đồng của địa phương (khu Đồng Lê, Phúc Lộc 2, phường Hưng Đạo), tại vị trí có tọa độ X (m) = 2301605.541; Y (m) = 596645.895 - hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°, sau đó xả thải ra kênh Vân Quan 2 tại vị trí có tọa độ X (m) = 2302081.15; Y (m) = 596593.558 - hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3° (trên cơ sở biên bản thỏa thuận vị trí đầu nối xả thải Khu tái định

cư quận Dương Kinh giữa Chủ Dự án, Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ).

Công nghệ xử lý: Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 02 ngăn → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → Bể thu gom nước thải và tách rác → Bể điều hòa → Bể yếm khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K=1,0).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thi công và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện vận chuyển và làm ẩm vật liệu và đất thải trước khi vận chuyển.

- Xây dựng mạng lưới thu gom và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung trước khi đưa Dự án đi vào vận hành, đảm bảo toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K = 1 trước khi xả ra kênh nội đồng của địa phương (Khu Đồng Lê, Phúc Lộc 2, phường Hưng Đạo), sau đó xả thải ra kênh Vân Quan 2; không xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7.4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển được rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; che phủ bạt các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; các phương tiện chở đúng tải trọng theo quy định.

- Sử dụng xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu chính với tần suất từ 3 ÷ 4 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau khi tập kết vật liệu.

- Các máy móc, thiết bị thi công được kiểm tra, theo dõi các thông số kỹ thuật và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

- Trạm trộn bê tông xi măng được bố trí trên công trường tại các vị trí xa khu dân cư, cuối hướng gió; thiết lập rào chắn cao 03 m quanh khu vực các trạm trộn bê tông; tưới nước dập bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày tại khu vực bố trí các trạm trộn bê tông xi măng (trừ những ngày mưa).
- Sử dụng trạm trộn bê tông xi măng có hệ thống túi lọc bụi tại các silo xi măng.

b) Giai đoạn vận hành

- Định kỳ vệ sinh mặt đường; bố trí gờ giảm tốc và lắp đặt biển báo hạn chế tốc độ xe chạy trong các tuyến đường nội bộ phạm vi khu tái định cư.
- Định kỳ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh và phun chế phẩm khử mùi (EM) đối với các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Bố trí hệ thống xử lý nước thải tại vị trí cuối hướng gió và trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường tại vị trí đi qua khu dân cư trước khi tham nhự; lắp dựng hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công gần các khu dân cư, trường học, chùa dọc tuyến thi công; trồng dải cây xanh xung quanh công trình xử lý nước thải tập trung của Dự án theo đúng quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

7.4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

7.4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí tại mỗi công trường thi công 05 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích khoảng 240 lít/thùng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn cặn lắng tại các hố lắng nước thải thi công, nước thải từ hoạt động rửa xe được thu gom và lưu giữ cùng chất thải xây dựng; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
- Bùn bề phốt, phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, lưu giữ, xử lý theo đúng quy định.
- Đất, đá đào không thích hợp (không phải là vật liệu xây dựng thông thường) từ hoạt động đào, đắp với khối lượng khoảng 427.776,8 m³ được vận chuyển và tập kết tại 04 bãi thải bao gồm: 01 bãi thải diện tích 10.000 m², sức chứa khoảng 40.000 m³ tại khu đầm ao xã Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng theo thỏa thuận tại biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Chủ dự án và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng; 03 bãi thải tại phường Tân Thành, quận Dương Kinh, Hải Phòng gồm bãi thải diện tích 16.000 m², sức chứa khoảng 32.000 m³, bãi thải diện tích 70.000 m², sức chứa khoảng 175.000 m³, bãi thải diện tích 90.000 m², sức chứa khoảng 270.000 m³ theo thỏa thuận tại biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa Chủ dự án và Ủy ban nhân dân phường Tân Thành; kiểm kê khối lượng tập kết tại mỗi bãi chứa và bàn giao sau đổ thải theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi có phát sinh.
- Bố trí tại khu vực công cộng trong khu tái định cư quận Dương Kinh khoảng 15 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 500 lít/thùng, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực công cộng trong khu vực được thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong phạm vi Dự án theo quy định.
- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý bùn thải từ công trình xử lý nước thải tập trung và bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước trong phạm vi Dự án theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các giai đoạn của Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật có liên quan của Thành phố Hải Phòng, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chỉ được phép đổ đất, đá dư thừa vào các vị trí bãi đổ thải được lựa chọn. Việc đổ đất, đá dư đảm bảo tuân thủ TCVN 4447:2012 - Tiêu chuẩn quốc gia về công tác đất - thi công và nghiệm thu; đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, không gây cản trở dòng chảy, thoát nước, không gây trở ngại cho thoát lũ, không để xảy ra sạt lở bờ bao; các lớp đất đá đổ thải được lu lèn chặt để ngăn sạt lở; có giải pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi và đất đá bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình đổ thải và thi công tại các bãi thải. Chủ dự án chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bãi thải cho đến khi bàn giao để quản lý, sử dụng theo thỏa thuận.

- Trường hợp đất, đá đào dư thừa từ hoạt động thực hiện Dự án được xác định là vật liệu xây dựng thông thường, thực hiện kiểm kê khối lượng và các thủ tục đăng ký, tận thu theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

7.4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí tại mỗi công trường thi công khoảng 05 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích khoảng 200 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án, tập kết về kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời tại công trường thi công có diện tích khoảng 5 m². Kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời được xây dựng theo đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Thu gom riêng biệt, phân loại tại nguồn từng loại chất thải nguy hại vào thùng chứa có nắp đậy kín, tránh lẫn vào chất thải rắn thông thường và có dán nhãn mác chất thải nguy hại đúng theo quy định.

- Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại có dung tích phù hợp cho từng khu vực Dự án, đảm bảo đúng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành; và các thùng chứa chất thải nguy hại được đặt ở những nơi đảm bảo tránh mưa, tránh nắng, tránh ngập úng.

- Định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại của Dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất khoảng

06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7.4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên theo quy định.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ.
- Lắp dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực thi công các nút giao và vị trí thi công gần các khu dân cư, trường học, chùa.
- Đền bù mọi thiệt hại nếu hoạt động thi công gây hư hại đến công trình, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án luôn ở mức độ cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Quy định tốc độ đối với các phương tiện ra vào Khu tái định cư quận Dương Kinh, quy định về việc sử dụng còi xe, lắp đặt đầy đủ các biển báo chỉ dẫn an toàn giao thông.
- Thường xuyên kiểm tra chất lượng tuyến đường nội bộ, duy tu sửa chữa kịp thời để đảm bảo các phương tiện tham gia giao thông được thuận lợi, hạn chế tiếng ồn và rung.
- Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.
- Tuyên truyền nếp sống văn hóa tại Khu tái định cư.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.4.4.1. Phương án thoát nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước miệng rãnh x đáy x sâu khoảng (0,8 x 0,4 x 0,4) m và hệ thống hố lắng kích thước L x B x H khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m với khoảng cách khoảng 50 m/hố lắng xung quanh các công trường thi công, bãi tập kết nguyên vật liệu và dọc hai bên ranh giới tuyến đường đang thi công với các khu vực dân cư để thu gom và lắng cặn nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra thủy vực xung quanh; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

- Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng → Lắng cặn → Môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với tuyến đường Vành đai 2: Thiết kế, thi công đầy đủ hệ thống thoát nước ngang, thoát nước dọc và các công trình thoát nước theo thiết kế; định kỳ nạo vét hệ thống tiêu thoát nước trên tuyến, đảm bảo khả năng lưu thông thoát nước mưa với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

- Đối với khu tái định cư quận Dương Kinh: Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa phân chia theo 02 lưu vực, tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải và riêng biệt với hệ thống thoát nước các khu vực lân cận, đảm bảo không ảnh hưởng đến khả năng thoát nước mưa của khu vực. Toàn bộ nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án được thu gom qua hệ thống cống bê tông cốt thép và hệ thống ga thăm, ga thu kết cấu bê tông cốt thép bố trí trên các tuyến cống với mật độ khoảng 40 ÷ 50 m/hố sau đó thoát ra kênh hiện trạng, cụ thể như sau:

+ Lưu vực 1 (phía Đông Bắc đường Vành đai 2): Nước mưa chảy tràn được thoát vào mương hình thang cải tạo B x H = (1 x 1) m, sau đó thoát vào mương hiện trạng.

+ Lưu vực 2 (phía Tây Nam đường Vành đai 2): Nước mưa chảy tràn được thu gom và thoát vào tuyến cống tròn D1000 trên hè đường Vành đai 2 sau đó thoát ra kênh thủy lợi theo hướng Nam - Bắc và thoát ra kênh Đa Phúc.

Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống ống dẫn, ga thăm, ga thu → Kênh hiện trạng.

+ Định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước mưa trong phạm vi Dự án, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng khu vực Dự án và xung quanh.

7.4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đền bù đất và cây trồng

trên đất theo đơn giá tại thời điểm kiểm đếm chi tiết, đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề cho các hộ dân bị ảnh hưởng; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo quy định; tuân thủ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; có phương án sử dụng toàn bộ đất bóc bề mặt từ diện tích đất trồng lúa vào mục đích trồng trọt theo quy định; toàn bộ đất hữu cơ từ hoạt động chuyển mục đích sử dụng đất được nạo vét thu gom và lưu giữ riêng trong phạm vi giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển đất hữu cơ tới vị trí lưu giữ và tận dụng toàn bộ để trồng cây xanh dọc tuyến đường và tại khu tái định cư quận Dương Kinh.

7.4.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái

- Tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống sông, kênh, thủy vực xung quanh và đất canh tác của dân tại những vị trí sát cánh đồng lúa, vườn cây của người dân; phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong hoàn nguyên môi trường, thanh thải lòng sông, kênh khu vực tạm chiếm dụng để phục vụ Dự án ngay sau khi kết thúc thi công.

- Xây dựng cống tạm để cấp nước cho hoạt động nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu khu vực Dự án.

- Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc xây dựng hệ thống thoát nước theo phương án được sự chấp thuận của cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thi công hệ thống thoát nước, bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động lấy nước phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân khu vực Dự án.

7.4.4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động đến các công trình hiện hữu

- Phối hợp với cơ quan có chức năng về điện lực và cấp nước để thực hiện di dời các cột điện, đường ống cấp nước đến vị trí phù hợp với thiết kế và đảm bảo an toàn, ổn định, công năng như thiết kế ban đầu; thực hiện bồi thường theo thỏa thuận với cơ quan điện lực và cấp nước.

- Cải tạo các tuyến đường dân sinh, tạo vuốt nối với tuyến đường ngang.

7.4.4.5. Biện pháp giảm thiểu tác động tới chất lượng nước sông Lạch Tray

- Sử dụng hệ thống khung vây thép xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp cọc khoan nhồi để ngăn nước mặt chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ và tràn đổ đất ra bên ngoài; nghiêm cấm mọi hành động thải ra môi trường xung quanh bùn khoan (là đất lẫn bentonite) và dung dịch bentonite tràn đổ phát sinh trong quá trình thi công các móng, trụ bằng công nghệ cọc khoan nhồi có sử dụng bentonite. Bùn thải có chứa bentonite thu gom bằng máy bơm hút vào téc chứa dung tích khoảng 5 m³, vận chuyển lên bờ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý cùng với chất thải rắn thông thường của Dự án.

- Kết thúc thi công, tại các khu vực xây dựng cầu tiến hành thu dọn toàn bộ các công trình tạm bao gồm sắt thép, vòng vây, giàn giáo, bê tông thừa; chất thải sau thanh thải được thu gom và xử lý cùng với chất thải rắn thông thường tại công trường thi công.

7.4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

7.4.5.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố do ngập úng

- Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố lắng xung quanh các công trường thi công và dọc hai bên ranh giới tuyến đường đang thi công đoạn đi qua khu dân cư để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; thực hiện thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Thực hiện các nội dung phòng ngừa thiên tai theo đúng quy định tại Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; phối hợp và thông báo với Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hải Phòng kịp thời ứng cứu, hạn chế thiệt hại về người, tài sản, kinh tế khi có sự cố xảy ra.

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố lún, nứt công trình hạ tầng xung quanh

Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

c) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở

Định kỳ thực hiện giám sát xói lở bờ sông trong suốt quá trình thi công công trình cầu vượt sông nhằm phát hiện và xử lý kịp thời. Trường hợp xảy ra sạt lở hoặc tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, ảnh hưởng và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan và phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

d) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định trước khi thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt.

e) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu

Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn đường thủy nội địa trong thi công công trình; phương tiện tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; thỏa thuận với đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn trước khi thi công công trình để phối hợp khi xảy ra sự cố tràn dầu.

7.4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn vận hành

a) Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ngập úng, cản trở thoát lũ

- Thi công các hạng mục công trình đường và hệ thống thoát nước ngang, thoát nước dọc theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; thiết kế, thi công hệ thống cống thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến để đảm bảo khả năng thoát nước.

- Định kì kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa; thường xuyên cập nhật các số liệu về tình hình mưa lũ, ngập lụt tại địa phương và các khu lân cận; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình ứng phó sự cố ngập lụt do thiên tai; bố trí lực lượng chuyên môn xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra ngập úng cục bộ trong phạm vi Dự án.

b) Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình xử lý nước thải theo đúng quy mô thiết kế. Bể điều hòa được thiết kế có thời gian lưu nước 12 giờ để ổn định nước thải trước khi sang các bể xử lý tiếp theo và phòng ngừa khi có sự cố xảy ra; thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa đảm bảo thời gian lưu chứa

tối đa khoảng 24 giờ trong trường hợp xảy ra sự cố; lắp đặt van chặn tại cửa xả nước thải trước khi thoát ra môi trường, đảm bảo nước thải không thoát ra ngoài môi trường trong trường hợp chất lượng nước thải không đạt quy chuẩn.

- Bố trí máy phát điện cho hệ thống xử lý nước thải tập trung; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho công trình xử lý nước thải của Dự án; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, tạm dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đóng van chặn tại bể chứa thành phần và cửa xả nước thải, nước thải được lưu trữ trong bể điều hòa và các bể chứa thành phần, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Khẩn trương khắc phục sự cố; sau khi sự cố tại hệ thống xử lý nước thải được khắc phục, mở van chặn tại bể chứa thành phần và cửa xả nước thải; nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số $K = 1,0$.

- Trường hợp các bể chứa thành phần không còn khả năng lưu chứa thêm mà sự cố hệ thống xử lý nước thải chưa được khắc phục xong, hợp đồng với đơn vị chức năng bơm hút nước thải đi xử lý, đảm bảo không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và thực hiện theo phương án được phê duyệt; lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, thiết bị phòng cháy và chữa cháy cho các công trình của Dự án, đảm bảo chất lượng; đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, công nhân viên tham gia vận hành Dự án; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

7.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Chủ Dự án thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

7.5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí: Các khu vực dân cư trên địa bàn phường Trảng Cát, quận Hải An; phường Hải Thành, phường Anh Dũng, phường Hưng Đạo, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh; phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng; Trường trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh; chùa Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), mức âm tương đương và gia tốc rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

c) Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: Tại hạ lưu sông Lạch Tray cách vị trí thi công cầu Hải Thành khoảng 50 m.

- Thông số giám sát: TSS, dầu mỡ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

d) Giám sát khác

- Thực hiện giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển đổ thải.

- Thực hiện giám sát khả năng thoát tiêu thoát nước, nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn, bảo đảm không gây ngập úng.

- Thực hiện giám sát sạt lở hai bên bờ sông tại vị trí thi công cầu thuộc phạm vi Dự án.

7.5.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải sau xử lý

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày tại khu tái định cư quận Dương Kinh.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅ (20⁰C), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), amoni (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1.

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c) Giám sát khác

- Thực hiện giám sát khả năng thoát tiêu thoát nước, nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải và nước mưa, bảo đảm không gây ngập úng.
- Thực hiện giám sát quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và các quy định khác liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án cam kết thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ ổn định đời sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.
- Khoanh định ranh giới Dự án và chỉ được phép thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thiết kế cơ sở phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, úng ngập khu vực xung quanh Dự án và lân cận trong quá trình triển khai thi công.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; tuân thủ quy định của Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa. Trường hợp dư thừa đất hữu cơ phải được lưu giữ tại khu vực riêng tại các bãi thải và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý.
- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn, đảm bảo việc tiêu thoát nước trong giai đoạn thi công và vận hành, không gây ngập úng cho khu vực Dự án và khu vực xung quanh; chỉ được phép đưa Dự án vào vận hành sau khi hoàn thiện hệ thống thoát nước đồng bộ, bảo đảm không để xảy ra tình trạng ngập úng trong quá trình triển khai thực hiện và vận hành của Dự án; không lấp sông, kênh tự nhiên trong quá trình thực hiện Dự án.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước sông, kênh, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.
- Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định của thành phố Hải Phòng; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.
- Thực hiện giám sát, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống sụt lún, sạt lở tại khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; trường hợp xảy ra sạt lở ảnh hưởng đến các công trình xây dựng phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan và cơ quan địa phương khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông; xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường thủy trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công; lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; làm đường tạm trong trường hợp thi công cống gây ảnh hưởng tới hoạt động đi lại của các tổ chức, cá nhân.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa vật liệu tạm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý, tổ chức thi công phù hợp, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố môi trường; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo ĐTM, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.